

Bản án: 05/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 09-01-2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tài

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ghên.
2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lê Quân-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1300/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18/12/2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31/12/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Việt T, sinh năm 1974, xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972, xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2019 nguyên đơn ông Trần Việt T trình bày tóm tắt như sau:*

Ông và Bà Nguyễn Thị G có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hồi năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông và Bà G ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với bà Nguyễn Thị G.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 03 con chung tên Trần Thanh S, sinh năm 1993, Trần Thị Yến N, sinh năm 1997 và Trần Thị Huỳnh N, sinh năm 2001 các con đã trưởng thành, ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Trần Việt T xác định, tài sản chung ông và bà G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà G không có nợ chung không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà G xác định lời trình bày của ông Trần Việt T là hoàn toàn đúng, bà không bổ sung thêm gì, nay ông T yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn với ông T, về con chung, tài sản chung và nợ chung bà thống nhất theo lời trình bày của ông T.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Việt T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị G nên xác định mối quan hệ là tranh chấp ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Thị G có hộ khẩu huyện Đức Hòa, tỉnh Long An những vụ tranh chấp ly hôn thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Việt T và Bà Nguyễn Thị G cưới nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông T và bà G vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông T cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do Bà G không quan tâm chăm sóc gia đình nên mới xin ly hôn. Đối với Bà G đồng ý thuận tình ly hôn cũng như về con chung và tài sản chung nợ chung như yêu cầu của ông T. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà G không đăng ký kết hôn nay ông T yêu cầu xin ly hôn với bà G. Mặc dù, bà G đồng ý thuận tình ly hôn với ông T, việc thuận tình này lẽ ra Hội đồng xét xử phải công nhận cho các bên nhưng vì giữa ông T và bà G không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật, nay ông T và bà G muốn ly hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận ông T và bà G là vợ chồng.

[3] Về quyền nuôi con chung: Ông T và bà G thống nhất có 03 con chung đã trưởng thành nên các bên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Ông T và bà G thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, ông T và bà G thống nhất xác định, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Việt T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Việt T đối với bà Nguyễn Thị G.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Việt T và bà Nguyễn Thị G là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Trần Việt T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004322, ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc niêm yết công khai bản án nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Đức Hòa Thượng.
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tài**